

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 – 2025**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Mỹ Tiến

2. Trụ sở chính, cổng thông tin điện tử:

- Địa chỉ: Thôn La Chợ - Xã Mỹ Lộc – Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định

- Gmail: [truongmnmytien@gmail.com](mailto:truongmnmytien@gmail.com)

- Cổng thông tin điện tử: <https://mnmytien.namdinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Trường mầm non Mỹ Tiến là trường mầm non công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Luôn phấn đấu là một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín. Nơi khởi đầu tình yêu thương, là môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; Giáo viên luôn tận tâm, năng động và luôn có khát vọng vươn lên, trẻ em chăm ngoan.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Trường có sứ mạng tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con học sinh phát triển toàn diện Đức – Trí – Thể - Mỹ.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Mỹ Tiến được thành lập theo quyết định của chủ tịch UBND huyện Bình Lục. Đến tháng 12 năm 2004 trường được UBND huyện Mỹ Lộc ra quyết định chuyển đổi thành trường mầm non bán công xã Mỹ Tiến. Đến tháng 10/2010 trường đã được UBND huyện Mỹ Lộc ra Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 chuyển đổi thành trường mầm non công lập có tên là Trường mầm non Mỹ Tiến. Từ khi thành lập đến nay trường mầm non Mỹ Tiến luôn phấn đấu thành tích năm sau luôn cao hơn năm trước. Trong các năm học gần đây trường đạt

danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, được Sở GDĐT tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện:

Họ tên: Nguyễn Thị Minh Chính – Hiệu trưởng trường mầm non Mỹ Tiến.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định chuyển đổi loại hình trường: Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 chuyển đổi thành trường mầm non công lập có tên là Trường mầm non Mỹ Tiến.

b) Quyết định thành lập Hội đồng trường.

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc bổ nhiệm lại chức vụ hiệu trưởng trường mầm non Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc đối với đ/c Nguyễn Thị Minh Chính. Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc bổ nhiệm lại chức vụ phó hiệu trưởng trường mầm non Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc đối với đ/c Đặng Thị Phương. Quyết định số: 8085/QĐ-UBND ngày 30 tháng 2 năm 2024 về việc bổ nhiệm lại chức vụ phó hiệu trưởng trường mầm non Mỹ Tiến thành phố Nam Định đối với đ/c Trần Thị Hải Yến.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN**

***a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:***

- Cán bộ quản lý: Tổng số: 3

+ Biên chế: 3 (Trình độ: Đại học: 3)

- Giáo viên: Tổng số: 17

+ Trong đó biên chế 14, hợp đồng theo NQ 111: 3

+ Trình độ Đại học: 9, Cao đẳng: 8

- Nhân viên: Tổng số: 9

+ Biên chế: 1 (nhân viên kế toán); hợp đồng theo NQ 111: 1; Hợp đồng: 7 (5 cô nuôi, 2 bảo vệ)

+ Trình độ: 1 Đại học (Kế toán, 1 cao đẳng)

***b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp***

- CBQL tự đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt:  $3/3 = 100\%$

- GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là: 16 (1 giáo viên chưa đủ thời gian

đánh giá)

+ Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt:  $9/16 = 56,25\%$

+ Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức khá:  $7/16 = 43,75\%$

***c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:***

- 100% các bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

### **III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Trường có 11 phòng học kiên cố tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có 18 khu vệ sinh cho giáo viên, học sinh.

- Phòng hành chính quản trị: 5

- Phòng giáo dục thể chất : 2

- Phòng thư viện : 01

- Phòng âm nhạc: 1

- Bếp ăn 1 chiều: 2

- Hiện còn thiếu 01 phòng học tin học, ngoại ngữ, phòng bảo vệ.

***c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định***

- 11/11 nhóm lớp có đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định.

***d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác***

- Trường có số lượng đồ chơi ngoài trời (5 bộ ) và thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

***a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.***

- Trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2.

***b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm***

- Nhà trường được kiểm tra đánh giá và công nhận trường chuẩn quốc gia

mức độ 1 năm 2018 theo quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

- Kế hoạch công nhận lại từ 2025- 2028.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON**

*a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)*

- Nhà trường có: 9 lớp mẫu giáo và 02 nhóm trẻ. Huy động trẻ ra lớp: 318/412 cháu đạt 77 % cao hơn cùng kì năm kỳ năm học trước 1,2%) trong đó:

Trẻ nhà trẻ: 57 trẻ nhà trẻ ra lớp, đạt tỷ lệ 40% độ tuổi,

Mẫu giáo: Có 261 trẻ mẫu giáo ra lớp, đạt 96% độ tuổi cao hơn so với cùng kỳ năm học trước 3,7%

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 3 lớp = 86 cháu, bình quân 28,7 cháu/lớp

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 3 lớp = 92 cháu, bình quân 30,7 cháu/lớp

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 3 lớp = 83 cháu, bình quân 27,7 cháu/lớp

+ Lớp nhà trẻ: 2 lớp = 57 cháu, bình quân 28,5 cháu/lớp

*b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (không có)*

*c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 318 trẻ*

*d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 318 trẻ*

*đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 318 trẻ*

*e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.*

*g) Số trẻ em khuyết tật: Không có*

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

### **1. Tình hình tài chính của trường Mầm non Mỹ Tiên năm học 2024**

#### **a. Các khoản thu từ ngân sách nhà nước:**

- Kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2024: 2.563.363.080 đồng. Trong đó :

+ Kinh phí thường xuyên giao tự chủ : 2.373.862.080 đồng.

+ Kinh phí không thường xuyên: 104.215.000 đồng.

+ Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP : 85.286.000 đồng.

+ Tiết kiệm chi năm 2024 : 3.620.000 đồng

- Khoản thu sự nghiệp (học phí) : 191.288.249 đồng.  
+ Số dư đầu năm : 60.488.249 đồng  
+ Số thu trong năm: 130.800.000 đồng  
+ Số chi trong năm: 185.663.793 đồng. (Trong đó: Chi 40% cho CCTL: 75.782.249 đồng; Chi 60%: 109.881.544 đồng.)  
+ Số dư chuyển sang năm 2025: 5.624.456 đồng. (Trong đó: 60%: 4.366.705 đồng; 40% CCTL: 1.257.751 đồng).

**b. Các khoản chi:**

**Đơn vị tính: đồng**

| STT      | Nội dung                                                                             | Số tiền              | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|
| <b>A</b> | <b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán</b>                                  | <b>104.215.000</b>   |         |
| 1        | Thanh toán dịch vụ công cộng                                                         | 18.500.000           |         |
| 2        | Vật tư văn phòng                                                                     | 5.775.000            |         |
| 3        | Thông tin, tuyên truyền, liên lạc                                                    | 27.950.000           |         |
| 4        | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành                                          | 30.765.000           |         |
| 5        | Chi khác                                                                             | 21.225.000           |         |
| <b>B</b> | <b>Kinh phí được giao tự chủ</b>                                                     | <b>2.370.242.080</b> |         |
| 1        | Tiền lương                                                                           | 1.224.254.045        |         |
| 2        | Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng                         | 41.000.000           |         |
| 3        | Phụ cấp lương                                                                        | 675.407.009          |         |
| 4        | Các khoản đóng góp                                                                   | 344.955.351          |         |
| 5        | Vật tư văn phòng                                                                     | 6.535.000            |         |
| 6        | Thông tin, tuyên truyền, liên lạc                                                    | 1.500.000            |         |
| 7        | Công tác phí                                                                         | 8.000.000            |         |
| 8        | Chi phí thuê mướn                                                                    | 10.480.000           |         |
| 9        | Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng | 32.175.112           |         |
| 10       | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành                                          | 17.313.923           |         |
| 11       | Chi khác                                                                             | 797.500              |         |
| 12       | Chi cho các sự kiện lớn                                                              | 7.824.140            |         |
| <b>C</b> | <b>Nguồn kinh phí khen thưởng theo ND 73</b>                                         | <b>85.286.000</b>    |         |
| <b>D</b> | <b>Tiết kiệm chi</b>                                                                 | <b>3.620.000</b>     |         |
|          | <b>Cộng:</b>                                                                         | <b>2.563.363.080</b> |         |

## **2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn giảm học phí theo quy định của nhà nước năm 2024:**

- Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2024 (học kỳ II năm học 2023-2024) nhà trường có:

+ Miễn, giảm học phí: 13 trẻ thuộc diện hộ cận nghèo được miễn 50% học phí, 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng được miễn học phí với kinh phí: 3.105.000 đồng.

+ Hỗ trợ ăn trưa: 13 trẻ thuộc diện hộ cận nghèo, 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng với kinh phí được hỗ trợ: 10.240.000 đồng.

+ Chi phí học tập : 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng với kinh phí được hỗ trợ : 600.000 đồng.

- Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024 (học kỳ I năm học 2024-2025) nhà trường có:

+ Miễn, giảm học phí: 87 trẻ lớp 5 tuổi được miễn học phí, 4 trẻ thuộc diện hộ cận nghèo được miễn 50% học phí, 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng được miễn học phí với kinh phí: 32.220.000 đồng.

+ Hỗ trợ ăn trưa: 7 trẻ thuộc diện hộ cận nghèo, 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng với kinh phí được hỗ trợ: 4.960.000 đồng.

+ Chi phí học tập : 1 trẻ là: trẻ bị bỏ rơi không có người nuôi dưỡng với kinh phí được hỗ trợ : 450.000 đồng.

**3. Các quỹ tại trường mầm non Mỹ Tiến:** Không có

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**  
**Không**

**Nơi nhận:**

- Đăng công TTĐT;
- Lưu./.



**Nguyễn Thị Minh Chính**